TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 15/01/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thành Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 647/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2020/QĐST – HNGĐ ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 85, ấp B, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang.

(bà O có đơn xin xét xử vắng mặt; ông N vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/10/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Lê Thị O trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông N tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân năm 2003 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B

vào ngày 31/03/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N không chăm lo kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên đánh đập bà và vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Bà O nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/03/2004 và Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/01/2009. Sau khi ly hôn bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 02/12/2020, lý do phải đi làm, điều kiện đi lại khó khăn. Ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị O và ông Nguyễn Hoàng N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Lê Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm, đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N trực tiếp ký nhận các văn bản do Tòa án tống đạt, tuy nhiên ông N vẫn vắng mặt suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông N tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2003 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào ngày 31/3/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N không chăm lo kinh tế gia đình, vợ

chồng thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên đánh đập bà và vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Bà O nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông N.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng ông N đã trực tiếp ký nhận các văn bản. Tuy nhiên, ông N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà O và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà O và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà O ông N có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà O vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay vợ chồng bà vẫn không hàn gắn được tình cảm vì ông N vẫn có hành vi và lời lẽ đe dọa bà. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà O dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà O và ông N không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà O được ly hôn với ông N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà O và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/03/2004 và Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/01/2009. Lời khai của bà O phù hợp với bản sao trích lục khai sinh do Ủy ban nhân phường B cấp. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay hai con chung đều do bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng các con chung muốn sống với bà O. Do đó, nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn, giao hai con chung cho bà O chăm sóc nuôi dưỡng căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà O không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà O và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông N cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Bà Lê Thị O phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 177; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O. Bà Lê Thị O được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/03/2004 và cháu Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/01/2009 cho bà O được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà O cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông N thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà O phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà O đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005702 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị O và ông Nguyễn Hoàng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND phường Bình Khánh;*
- *Lưu hồ sơ./.*

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh